

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 237/QĐ-LMHTXVN

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam**

THƯỜNG TRỰC LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 27/2022/TT-BTC ngày 11/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Quyết định số 59/2007/QĐ-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam”.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2022.

Điều 3. Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTT Chính phủ Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Thanh tra Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thường trực Liên minh HTX Việt Nam;
- Liên minh HTX các tỉnh, thành phố;
- Quỹ HTPHTX Việt Nam;
- Lưu VT, TCCB (02).

**TM. THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Bảo



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 237/QĐ-LMHTXVN
ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, mô hình hoạt động, người đại diện theo pháp luật

1. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; trực thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; hoạt động theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam là Tổng Giám đốc.



Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên gọi bằng tiếng Việt: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam;

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: QHTPTHTXVN;

c) Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Co-operative Development Assistance Fund, viết tắt là VCDAF.

2. Trụ sở chính: tại thủ đô Hà Nội.

Điện thoại: 84-24-62732078;

Fax: 84-24-62732090;

Email: caf@vca.org.vn

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước; các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp; ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

3. Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

4. Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

5. Ủy thác, nhận ủy thác cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam

1. Tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Cho vay đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế cho vay của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

3. Huy động vốn của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế huy động vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam

1. Trách nhiệm của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam:

a) Thực hiện cho vay đúng đối tượng, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

b) Sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan;

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính và tình hình hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

e) Mua bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam;

g) Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình, quy định về tổ chức quản trị và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

2. Quyền hạn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam:

a) Tổ chức và hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam;

b) Được lựa chọn khách hàng đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều lệ này để thực hiện cho vay theo quy định tại Quy chế cho vay của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối mọi yêu cầu của cá nhân hoặc tổ chức về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 6. Tuân thủ pháp luật; hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và quy định của các tổ chức đó.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam tuân thủ pháp luật và thực hiện quy định về phòng, chống tham nhũng trong tổ chức và hoạt động.

Điều 7. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Quỹ*” là Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

2. “*Quỹ cấp tỉnh*” là Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. “*Nghị định số 45/2021/NĐ-CP*” là Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

4. “*Khách hàng*” là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

5. “*Cho vay*” là việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

6. “*Ủy thác cho vay*” là việc Quỹ giao vốn cho bên nhận ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ.

7. “*Nhận ủy thác cho vay*” là việc Quỹ nhận ủy thác để cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ và thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

8. “*Vốn điều lệ thực có*” được xác định bằng mức vốn điều lệ trên sổ sách kế toán cộng hoặc trừ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) phản ánh trên sổ sách kế toán tại cùng một thời điểm.

9. “*Cơ cấu lại thời hạn trả nợ*” là việc Quỹ chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

a) *Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ* là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi;

b) *Gia hạn nợ* là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.

10. “*Nợ xấu*” là các khoản nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5 theo quy định về phân loại nợ của Quỹ.

11. “*Người có liên quan*” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác trong quan hệ vay vốn đối với Quỹ quy định tại khoản 2, Điều 12 Điều lệ này thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Liên hiệp hợp tác xã với các hợp tác xã thành viên và thành viên của hợp tác xã thành viên và ngược lại;

b) Hợp tác xã với các thành viên và ngược lại;

c) Các thành viên trong cùng một Tổ hợp tác.

12. “*Người quản lý Quỹ*” là Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

13. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải thích trong Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi (nếu có); văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Chương II HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Mục 1 Cho vay trực tiếp

Điều 8. Đối tượng và phạm vi cho vay

1. Đối tượng cho vay:

a) Cá nhân là thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã;

b) Pháp nhân là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Phạm vi cho vay: Quỹ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trên phạm vi toàn quốc.

Điều 9. Nguyên tắc cho vay

1. Hoạt động cho vay của Quỹ đối với khách hàng được thực hiện theo hợp đồng giữa Quỹ và khách hàng, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.

2. Khách hàng vay vốn của Quỹ phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn đã thỏa thuận với Quỹ.



Điều 10. Điều kiện cho vay

Khách hàng vay vốn của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 8 Điều lệ này.
2. Pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật. Cá nhân phải đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.
3. Có phương án sử dụng vốn vay khả thi; có khả năng tài chính để trả nợ.
4. Thực hiện quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều lệ này.
5. Có vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư dự án, phương án sản xuất kinh doanh.
6. Tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên, khách hàng không có nợ xấu tại Quỹ và các tổ chức tín dụng.

Điều 11. Loại cho vay

Quỹ xem xét quyết định cho khách hàng vay theo các loại cho vay sau:

1. Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay tối đa 01 năm.
2. Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 01 năm và tối đa 05 năm.
3. Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 05 năm và tối đa 10 năm.

Điều 12. Mức vốn cho vay và giới hạn cho vay

1. Mức vốn cho vay: Căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định tại khoản 2 Điều này, Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ.

2. Giới hạn cho vay:

- a) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay;
- b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng và người có liên quan không vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay.

Điều 13. Thời hạn cho vay

Căn cứ vào chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng, khả năng nguồn vốn của Quỹ, Quỹ xác định thời hạn cho vay đối với khách hàng, tối đa không quá 10 năm.

Điều 14. Phương thức cho vay

1. Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, Quỹ và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và ký kết hợp đồng tín dụng.

2. Cho vay theo hạn mức: Quỹ xác định mức dư nợ cho vay tối đa đối với khách hàng được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, Quỹ thực hiện cho vay theo từng lần nhận nợ. Một năm ít nhất một lần, Quỹ xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này.

3. Cho vay hợp vốn: Là việc Quỹ và Quỹ cấp tỉnh và/hoặc tổ chức tín dụng khác cùng thực hiện cho vay đối với khách hàng để thực hiện một phương án, dự án vay vốn.

4. Các phương thức cho vay khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay, thu nợ

1. Lãi suất cho vay phù hợp với chính sách của Nhà nước, đảm bảo nguyên tắc trang trải đủ chi phí hoạt động và phòng ngừa rủi ro của Quỹ.

2. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn.

3. Đồng tiền cho vay, thu nợ là đồng Việt Nam.

Điều 16. Bảo đảm tiền vay

1. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không có bảo đảm bằng tài sản do Quỹ quyết định, phù hợp với quy định về bảo đảm tiền vay do Quỹ ban hành và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của Quỹ và quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

Điều 17. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy định của Quỹ.

Mục 2

Ủy thác cho vay

Điều 18. Đối tượng ủy thác

Quỹ ủy thác cho vay đối với Quỹ cấp tỉnh và ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây gọi là bên nhận ủy thác) để thực hiện cho vay đối với khách hàng theo chính sách cho vay của Quỹ quy định tại Điều lệ này.

Điều 19. Nguyên tắc ủy thác

1. Quỹ chỉ ủy thác vốn cho bên nhận ủy thác khi bên nhận ủy thác được phép thực hiện nội dung ủy thác theo quy định của pháp luật.

2. Bên nhận ủy thác tự thẩm định, quyết định cho vay và chịu trách nhiệm về rủi ro cho vay đối với khách hàng đã cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Quỹ.

3. Việc ủy thác cho vay giữa Quỹ và bên nhận ủy thác phải được lập thành hợp đồng ủy thác cho vay, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thỏa thuận cho vay giữa bên nhận ủy thác và khách hàng vay phải được lập thành hợp đồng và phù hợp với hợp đồng ủy thác cho vay giữa Quỹ và bên nhận ủy thác.

5. Bên nhận ủy thác không được ủy thác lại cho bên thứ ba.

Điều 20. Lãi suất cho vay và phí ủy thác

1. Bên nhận ủy thác cho khách hàng vay vốn từ nguồn vốn ủy thác của Quỹ với lãi suất bằng với lãi suất cho vay trực tiếp của Quỹ.

2. Bên nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác do Quỹ chi trả, mức phí ủy thác do Quỹ quyết định trong từng thời kỳ.

Điều 21. Trình tự, thủ tục ủy thác cho vay

1. Trình tự, thủ tục ủy thác cho vay thực hiện theo quy định của Quỹ về ủy thác cho vay.

2. Bên nhận ủy thác thực hiện cho vay theo quy trình thẩm định, ra quyết định của bên nhận ủy thác, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

Mục 3

Nhận ủy thác cho vay

Điều 22. Đối tượng Quỹ nhận ủy thác

Quỹ được nhận ủy thác cho vay đối với khách hàng từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Điều lệ này và hợp đồng nhận ủy thác.

Điều 23. Điều kiện, trình tự, thủ tục nhận ủy thác

1. Quỹ chỉ nhận vốn ủy thác để cho vay các đối tượng khách hàng phù hợp với quy định tại Điều lệ này.
2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ và tổ chức, cá nhân ủy thác và được lập thành hợp đồng ủy thác.
3. Trình tự, thủ tục nhận ủy thác cho vay thực hiện theo quy định của Quỹ về nhận ủy thác cho vay.

Mục 4

Phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ

Điều 24. Phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro cho vay

1. Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay mà Quỹ chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tài chính vi mô và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Đối với những khoản cho vay ủy thác hoặc nhận ủy thác mà Quỹ không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro.
3. Sau 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay và đã sử dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ, Quỹ xem xét xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng theo quy định tại Điều lệ này.
4. Bên nhận ủy thác vốn của Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Quỹ theo quy định của Bên nhận ủy thác.
5. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay thực hiện theo quy định của Quỹ.

Điều 25. Các biện pháp xử lý rủi ro cho vay

1. Các biện pháp xử lý rủi ro trong cho vay trực tiếp:
 - a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/số tiền trả nợ; gia hạn nợ vay;
 - b) Miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn;

- c) Khoanh nợ; xóa nợ lãi;
- d) Bán nợ;
- đ) Xử lý tài sản bảo đảm;
- e) Xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng;
- g) Các biện pháp xử lý rủi ro khác theo quy định của pháp luật.

2. Các biện pháp xử lý rủi ro trong hoạt động ủy thác cho vay thực hiện theo quy định về ủy thác cho vay của Quỹ.

Điều 26. Hội đồng xử lý rủi ro

1. Chủ tịch Quỹ thành lập Hội đồng xử lý rủi ro do Chủ tịch Quỹ làm Chủ tịch hội đồng và các thành viên gồm Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng cho vay và các thành viên khác do Chủ tịch Quỹ quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro:

a) Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro;

b) Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

c) Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay; xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ đối với những khoản nợ có khả năng không thu hồi đầy đủ nợ gốc;

d) Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

đ) Chuẩn bị thủ tục, trình tự, hồ sơ xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng, trình Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phê duyệt.

Điều 27. Thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay

1. Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xem xét phê duyệt:

a) Xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn; khoanh nợ; xóa nợ lãi; bán nợ.

2. Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ xem xét quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro quy định tại khoản 2, Điều 26 Điều lệ này.

3. Chủ tịch Quỹ xem xét quyết định: xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng; miễn giảm lãi trong hạn, quá hạn; khoanh nợ; xóa nợ lãi; bán nợ đối với từng trường hợp cụ thể, sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

4. Tổng Giám đốc Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ; xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ đối với những khoản nợ có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc.

Mục 5

Huy động vốn và các hoạt động khác

Điều 28. Hoạt động huy động vốn

1. Quỹ thực hiện huy động vốn thông qua các hình thức sau:

- a) Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính;
- b) Vay của tổ chức, cá nhân ngoài Quỹ;
- c) Vay của người lao động trong Quỹ;
- d) Nhận tiền gửi từ các Quỹ cấp tỉnh;
- đ) Phát hành trái phiếu;
- e) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

- a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch hàng năm của Quỹ;
- b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;
- c) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền huy động vốn:

a) Chủ tịch Quỹ quyết định việc huy động vốn với tổng dư có tại mọi thời điểm tối đa không vượt quá 03 lần vốn điều lệ của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Quỹ tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn;

b) Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định việc huy động vốn vượt quá mức quy định tại điểm a khoản này trên cơ sở báo cáo của Chủ tịch Quỹ.

Điều 29. Hoạt động khác của Quỹ

1. Quỹ thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho đối tượng khách hàng vay vốn Quỹ, bao gồm:

- a) Hoạt động tư vấn đầu tư;
- b) Hoạt động tư vấn tài chính;
- c) Hoạt động tập huấn, đào tạo.

2. Việc thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho khách hàng theo quy định của Quỹ.

Chương III
QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU;
CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ

Mục 1

Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu

Điều 30. Cơ quan đại diện chủ sở hữu

Chính phủ giao Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện chức năng cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Quỹ theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

Điều 31. Quyền hạn, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược; kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Quỹ.

2. Xây dựng Đề án bổ sung vốn điều lệ của Quỹ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

4. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Chủ tịch Quỹ.

5. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Quỹ.

6. Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; quy chế quản lý tài chính, tài sản; quy định đối tượng được ưu tiên cho vay từ nguồn vốn Quỹ trong từng thời kỳ (nếu có).

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên của Quỹ.

8. Xây dựng Đề án tổng thể về việc cơ cấu, tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập) trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

9. Giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, kế hoạch hàng năm của Quỹ.

10. Hướng dẫn, đôn đốc Quỹ xây dựng, gửi báo cáo theo Điều 49 Điều lệ này và báo cáo hiệu quả hoạt động của Quỹ quy định tại khoản 1, Điều 50 Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan, trình Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

11. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ hàng năm.

12. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập đối với Quỹ.

13. Các quyền hạn, trách nhiệm khác của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Mục 2

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ

Điều 32. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ gồm:

1. Chủ tịch Quỹ.
2. Kiểm soát viên.
3. Ban điều hành gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
4. Bộ máy giúp việc.

Điều 33. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ do Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Thường trực và Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về hoạt động của Quỹ. Chủ tịch Quỹ là người đại diện chủ sở hữu trực tiếp thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ.

2. Chủ tịch Quỹ có nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ. Chủ tịch Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách do Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định căn cứ vào quy mô hoạt động của Quỹ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ:

- a) Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
- c) Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;
- d) Có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;
- đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

- a) Xây dựng và trình Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phê duyệt hoặc thông qua: chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

b) Đề nghị Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; cơ cấu, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình, giải thể, phá sản Quỹ;

c) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay, ủy thác cho vay, nhận ủy thác cho vay; lãi suất cho vay trong từng thời kỳ, miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn, mức phí ủy thác và nhận ủy thác; quy định về bảo đảm tiền vay, các trường hợp được miễn tài sản bảo đảm; hoạt động huy động vốn; các hoạt động khác; quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay; quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro; quy định về việc phân công, phân cấp trong quản lý điều hành và mối quan hệ công tác giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc Quỹ; quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi; quy chế về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Quỹ; quy chế khen thưởng; quy định về phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và ban hành các quy định về quản trị điều hành khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

d) Đề nghị Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên của Quỹ;

đ) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, bổ nhiệm lại; chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc và sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

e) Trình Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên của Quỹ;

g) Đề nghị Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chấp thuận các nội dung quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;

h) Thay mặt Quỹ ký nhận vốn, các nguồn lực khác do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân giao cho Quỹ;

i) Ký ban hành các nghị quyết, quyết định, hợp đồng và các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

k) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;

l) Yêu cầu người điều hành Quỹ cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị;

m) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

n) Các quyền hạn, trách nhiệm khác của Chủ tịch Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Chủ tịch Quỹ sử dụng bộ máy giúp việc của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ này. Kinh phí hoạt động của Chủ tịch Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

Điều 34. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên của Quỹ do Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu để giúp kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch, Tổng Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật, Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ và Điều lệ này.

2. Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 33 Điều lệ này;

b) Có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán và kinh nghiệm về kiểm soát trong hoạt động tín dụng;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Giám sát việc quản lý, điều hành và thực hiện Điều lệ Quỹ của Chủ tịch, Tổng Giám đốc Quỹ;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Giám sát đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế cho vay, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế quản trị khác của Quỹ;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Quỹ, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Chủ tịch Quỹ và Tổng Giám đốc Quỹ;

đ) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của Quỹ khi xét thấy cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

e) Kịp thời thông báo cho Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Chủ tịch Quỹ khi phát hiện người quản lý Quỹ có hành vi vi phạm, yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và kiến nghị giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

g) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này cho Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

h) Có quyền tiếp cận các hồ sơ tài liệu của Quỹ lưu trữ tại trụ sở chính và các địa điểm khác, có quyền đến các nơi người quản lý và cán bộ nhân viên của Quỹ làm việc;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Trách nhiệm của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ pháp luật, quyết định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Quỹ;

c) Xây dựng kế hoạch công tác và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

d) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Quỹ thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Quỹ mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

6. Chế độ làm việc của Kiểm soát viên:

a) Kiểm soát viên hoạt động theo chế độ chuyên trách tại Quỹ;

b) Kiểm soát viên độc lập và chủ động thực hiện các công việc theo kế hoạch;

c) Kiểm soát viên hoạt động theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ.

7. Kinh phí hoạt động của Kiểm soát viên được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

8. Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ theo quy định về quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

Điều 35. Tổng Giám đốc Quỹ

1. Tổng Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ do Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.

2. Tổng Giám đốc Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách, được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Tổng Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 33 Điều lệ này;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc Quỹ:

a) Ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn thực hiện các quy định của Chủ tịch Quỹ; ban hành quy định về nội quy lao động, các quy định về quản trị, điều hành khác thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

b) Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện;

c) Dự thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành theo trình tự quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này;

d) Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ;

đ) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này; thực hiện quyết định của Chủ tịch Quỹ và các quy định của pháp luật. Trong thời gian vắng mặt, Tổng Giám đốc ủy quyền lại cho Phó Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện điều hành các hoạt động hàng ngày của Quỹ. Nội dung ủy quyền nêu rõ phạm vi công việc ủy quyền cụ thể, thời hạn ủy quyền cụ thể, báo cáo kết quả thực hiện công việc trong thời gian ủy quyền;

e) Lựa chọn, trình Chủ tịch Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

g) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc sau khi có ý kiến phê duyệt của Chủ tịch Quỹ. Quyết định tạm đình chỉ công việc của người lao động và chỉ định người tạm thời thay thế phù hợp với quy định pháp luật và kịp thời báo cáo Chủ tịch Quỹ;



h) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch Quỹ để trình các cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chân thực của báo cáo tài chính, các báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

i) Quyết định tuyển dụng, bố trí, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên theo quy chế, quy định của Quỹ. Quyết định khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của Quỹ, của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và quy định pháp luật;

k) Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn. Thuê các tổ chức hành nghề luật, luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý để thực hiện xử lý nợ và các hoạt động khác của Quỹ;

l) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;

m) Tổ chức thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Tổng Giám đốc tại các báo cáo của Kiểm soát viên (nếu có) và báo cáo Kiểm soát viên kết quả thực hiện các kiến nghị;

n) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Chủ tịch Quỹ.

5. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Quỹ:

a) Tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ;

b) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin, bí quyết hoạt động của Quỹ, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Chấp hành các quyết định của Chủ tịch Quỹ;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Quỹ, Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 36. Quan hệ giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ

Quan hệ công tác giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ thực hiện theo quy định của Quỹ về phân công, phân cấp trong quản lý điều hành và mối quan hệ công tác giữa các chức danh nêu trên.

Điều 37. Phó Tổng giám đốc Quỹ

1. Phó Tổng giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Quỹ, sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Phó Tổng giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Số lượng Phó Tổng giám đốc Quỹ do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định nhưng tối đa không quá 03 người.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 33 Điều lệ này;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Tổng giám đốc Quỹ:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công của Tổng Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ;

b) Thực hiện đúng nội dung ủy quyền trong thời gian Tổng giám đốc vắng mặt;

c) Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, trước Chủ tịch Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 38. Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Quỹ quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc Quỹ, sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Kế toán trưởng của Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 33 Điều lệ này;

b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không phải là thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ mua, bán tài sản trong Quỹ;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ;

b) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kế toán của Quỹ cho Tổng Giám đốc để báo cáo các cấp có thẩm quyền;

c) Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

d) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 39. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và Văn phòng đại diện, Chi nhánh của Quỹ đặt tại các tỉnh, thành phố, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Tổng Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ.

2. Chủ tịch Quỹ quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng đại diện, Chi nhánh của Quỹ theo đề nghị của Tổng Giám đốc, sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Tổng Giám đốc Quỹ quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ, sau khi có ý kiến phê duyệt của Chủ tịch Quỹ.

4. Tổng Giám đốc Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc và cán bộ, nhân viên sau khi có ý kiến phê duyệt của Chủ tịch Quỹ.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện để được quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo bộ máy giúp việc do Chủ tịch Quỹ quy định.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc: Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Tổng Giám đốc Quỹ trong điều hành, quản lý Quỹ, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Tuyển dụng:

a) Quỹ căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động;

b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động và quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo và người quản lý của Quỹ.

8. Khen thưởng và kỷ luật:

a) Các tổ chức, cá nhân của Quỹ có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ, hoặc có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ được khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Quỹ;

b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Điều lệ này và các quy định của Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định của Quỹ và/hoặc pháp luật có liên quan.

Chương IV
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO,
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ BẢO MẬT,
CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 40. Chế độ tài chính, kế toán

1. Quỹ tổ chức thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 41. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Quỹ tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ thực hiện công khai tài chính theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Chủ tịch Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.
3. Quỹ thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 42. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:
 - a) Vốn điều lệ;
 - b) Các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
 - d) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản;
 - đ) Chênh lệch thu chi chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
 - e) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ.
2. Vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này.
3. Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ của Quỹ là 1.000 (một nghìn) tỷ đồng được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương.
2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam sau khi có ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 44. Bảo đảm an toàn vốn

Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối kết quả tài chính, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo đúng quy định tại Điều lệ này, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Mua sắm, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 10% vốn điều lệ thực có tại thời điểm quyết định đầu tư, mua sắm; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

3. Thực hiện các quy định về giới hạn cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản pháp luật quy định phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

5. Hạch toán vào chi phí hoạt động khoản dự phòng rủi ro cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

6. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi và chế độ khác

1. Người quản lý, Kiểm soát viên, cán bộ, nhân viên của Quỹ được hưởng chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và các chế độ khác theo quy định như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Mức cụ thể do Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy định.

2. Người quản lý, Kiểm soát viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng chế độ thù lao, tiền thưởng và chế độ khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

3. Người quản lý, Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách và cán bộ, nhân viên được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

Điều 46. Doanh thu của Quỹ

1. Các khoản thu của Quỹ được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.

2. Doanh thu của Quỹ bao gồm:

- a) Thu từ hoạt động nghiệp vụ;
- b) Thu từ hoạt động tài chính;
- c) Các khoản thu khác.

3. Cụ thể các khoản thu của Quỹ theo khoản 2 Điều này được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của Quỹ.

Điều 47. Chi phí của Quỹ

1. Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động Quỹ; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Chi phí được trừ khi xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Chi phí của Quỹ bao gồm:

- a) Chi phí hoạt động nghiệp vụ;
- b) Chi phí tài chính;
- c) Chi phí quản lý;
- d) Chi tham gia các hoạt động do Liên minh hợp tác xã các cấp tổ chức liên quan đến hoạt động của Quỹ;
- đ) Chi phí khác.

3. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí của Quỹ:

- a) Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;
- b) Các khoản chi phạt thuộc trách nhiệm cá nhân do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt nợ vay quá hạn do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính;
- c) Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ;
- d) Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ;
- đ) Các khoản chi của cá nhân ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác;
- e) Các khoản chi vượt định mức theo quy định của Bộ Tài chính đối với Quỹ.

4. Cụ thể các khoản chi phí của Quỹ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của Quỹ.

Điều 48. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính:

- a) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm thặng dư khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả dương;
- b) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm bị thâm hụt khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả âm.

2. Khi kết quả tài chính trong năm của Quỹ đạt thặng dư, sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật và bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính;

c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Quỹ:

Quỹ xếp loại A được trích 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

Quỹ xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

Quỹ xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

d) Trích quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên:

Quỹ xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

Quỹ xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên.

đ) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a và b khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định thì Quỹ được giảm mức trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

e) Số còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ trên được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.

3. Mục đích sử dụng các quỹ:

a) Quỹ đầu tư phát triển dùng để mua sắm, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động; mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ và bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ. Chủ tịch Quỹ quyết định hình thức và biện pháp đầu tư phù hợp với quy định;

b) Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí;

c) Quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên dùng để thưởng cho người quản lý và kiểm soát viên của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ;

d) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cá nhân, tập thể của Quỹ trên cơ sở năng suất lao động hoặc thành tích công tác;

đ) Quỹ phúc lợi được sử dụng để chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, công trình phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ của Quỹ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ; chi cho hoạt động phúc lợi khác của Quỹ;

e) Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về mục đích sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính tại quy chế quản lý tài chính, tài sản của Quỹ. Tổng giám đốc Quỹ quy định cụ thể mục đích sử dụng và phối hợp với Công đoàn Quỹ quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt, Quỹ được chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển không quá 05 năm. Nếu sau 05 năm, Quỹ không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, Quỹ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc giảm hoặc bổ sung vốn điều lệ, cơ cấu, tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Quỹ.

Điều 49. Chế độ báo cáo

1. Kiểm soát viên:

Thực hiện báo cáo theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

2. Tổng Giám đốc Quỹ:

a) Lập các báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm trình Chủ tịch Quỹ, báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát;

b) Tổng hợp báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm của các Quỹ cấp tỉnh. Báo cáo tổng hợp được gửi về Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát.

3. Các loại báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm của Quỹ tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo tình hình thu chi tài chính; báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo tình hình hoạt động cho vay;

c) Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

d) Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

b) Báo cáo năm gửi chậm nhất sau 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; riêng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện gửi chậm nhất sau 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Phương thức gửi báo cáo: theo phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

6. Trường hợp đột xuất, Quỹ có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

7. Quỹ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 50. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ, bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ cho vay;

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu (bao gồm dư nợ các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo kết quả phân loại nợ của Quỹ);

c) Chỉ tiêu 3: Kết quả tài chính hàng năm;

d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về cho vay, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo tài chính;

2. Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ tại khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan về:

a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

3. Phương thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thực hiện giao chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

Điều 51. Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán

1. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của Cơ quan Thanh tra, Kiểm tra và Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật. Chịu sự kiểm tra, giám sát toàn diện của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Việc tổ chức phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm thực hiện theo quy định của Quỹ.

Điều 52. Chế độ lưu giữ tài liệu của Quỹ

1. Quỹ lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Quỹ:
 - a) Điều lệ Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; các quy chế quản lý của Quỹ;
 - b) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ;
 - c) Các biên bản họp; các quyết định của Quỹ;
 - d) Báo cáo của Kiểm soát viên, Kết luận của cơ quan thanh tra, Kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - đ) Hồ sơ tín dụng;
 - e) Tài sản bảo đảm;
 - g) Tài liệu, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán của Quỹ;
 - h) Các tài liệu khác theo quy định của Quỹ, Điều lệ này và pháp luật liên quan.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Quỹ.
3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Bảo mật và công khai thông tin

1. Người làm việc tại Quỹ và những người liên quan không được tự ý tiết lộ thông tin, bí mật về hoạt động của Quỹ mà mình biết.
2. Chủ tịch Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Quỹ. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Quỹ chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Chủ tịch Quỹ hoặc người được Chủ tịch Quỹ ủy quyền.
3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.
4. Khi có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tổng Giám đốc Quỹ là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương V

QUAN HỆ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM VỚI QUỸ CẤP TỈNH

Điều 54. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

Quỹ phối hợp hoạt động với các Quỹ cấp tỉnh theo các nguyên tắc sau:

1. Bình đẳng, cùng có lợi vì mục tiêu chung phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
2. Đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn trong quá trình phối hợp hoạt động.

3. Trên cơ sở thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Điều 55. Nội dung phối hợp hoạt động

1. Ủy thác vốn cho Quỹ cấp tỉnh thực hiện hoạt động cho vay.

2. Cho vay hợp vốn đối với các khách hàng theo nhu cầu của các bên.

3. Vốn nhàn rỗi của Quỹ cấp tỉnh có thể gửi tại Quỹ và ngược lại.

4. Thực hiện các giải pháp đầu tư chung hệ thống công nghệ thông tin để kết nối trực tuyến giữa Quỹ và các Quỹ cấp tỉnh.

5. Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ công nhân viên của Quỹ cấp tỉnh.

6. Phối hợp tổ chức các hoạt động dịch vụ gắn với hoạt động cho vay trên địa bàn các tỉnh, thành phố.

7. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, giới thiệu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên tổ hợp tác và hợp tác xã về hoạt động của Quỹ và Quỹ cấp tỉnh.

8. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Quỹ tổng hợp báo cáo của các Quỹ cấp tỉnh để gửi Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

9. Các hình thức phối hợp hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 56. Quan hệ giữa Liên minh Hợp tác xã Việt Nam với các cơ quan quản lý Nhà nước trong quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ

1. Phối hợp với Bộ Tài chính:

a) Đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ cho Quỹ trong từng thời kỳ; thực hiện cấp vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;

c) Đề xuất ban hành, sửa đổi bổ sung cơ chế chính sách liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ cho Quỹ trong từng thời kỳ;

b) Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách nhà nước để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định tại Luật Đầu tư công;

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan;

d) Đề xuất ban hành, sửa đổi bổ sung cơ chế chính sách liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

b) Đề xuất ban hành, sửa đổi bổ sung cơ chế chính sách liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý và xếp hạng Quỹ;

b) Đề xuất ban hành, sửa đổi bổ sung cơ chế chính sách liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo, tạo điều kiện cho Quỹ phối hợp với các Quỹ cấp tỉnh để nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường liên kết hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

b) Tổ chức theo dõi, tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của các Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về định hướng phát triển hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 57. Quan hệ của Quỹ với các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Quan hệ của Quỹ với Bộ Tài chính:

a) Tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ;

b) Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này;

c) Quỹ chịu sự theo dõi, kiểm tra, giám sát của Bộ Tài chính về tình hình tài chính.

2. Quan hệ của Quỹ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Quỹ chịu sự theo dõi, kiểm tra, giám sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ;

b) Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này.

3. Quan hệ của Quỹ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với các hoạt động cho vay của Quỹ theo quy định của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;



b) Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này.

4. Quan hệ của Quỹ với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi các quy định về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý và xếp hạng Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

b) Quỹ thực hiện báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Điều 58. Quan hệ giữa Quỹ với các cơ quan, tổ chức khác

Quỹ xây dựng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung: hợp tác, liên kết, tư vấn, hỗ trợ, đầu tư và chuyển giao công nghệ, đào tạo, thẩm định... nhằm phục vụ cho các hoạt động của Quỹ; đảm bảo nguyên tắc không trái với các quy định của pháp luật, bình đẳng, cùng có lợi, an toàn và hiệu quả.

Chương VII

TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Điều 59. Giải quyết tranh chấp

Khi phát sinh tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân khác, Quỹ ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, các bên giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Các trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Quỹ bị các cơ quan có thẩm quyền đánh giá xếp loại C trong 05 năm liên tiếp và tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 năm liên tiếp.

2. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 năm liên tiếp.

3. Luỹ kế chênh lệch thu chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 năm liên tiếp.

4. Các trường hợp giải thể khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 61. Thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ

Trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

Điều 62. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ thực hiện theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 63. Phá sản Quỹ

Việc phá sản Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 64. Chuyển đổi mô hình hoạt động Quỹ

1. Trường hợp Quỹ chuyên đổi mô hình hoạt động từ mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang mô hình hợp tác xã, Quỹ phải thực hiện xây dựng phương án chuyển đổi, xác định rõ nghĩa vụ xử lý của Quỹ hiện hành, phương án chuyển sang Quỹ hoạt động theo mô hình mới (phương án tài chính, quản lý điều hành, dư nợ cho vay), báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các cơ quan quản lý liên quan. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

2. Quỹ thực hiện xử lý tài chính khi chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 65. Điều khoản thi hành

1. Các quy chế, quy định của Quỹ phải bảo đảm việc tuân thủ nguyên tắc, nội dung quy định tại Điều lệ này.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc có quy định mới của pháp luật khác với nội dung Điều lệ này thì quy định đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Quỹ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.

Điều 66. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan trước thời điểm ngày 15 tháng 5 năm 2021 thì tiếp tục thực hiện theo đúng các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận khác. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

2. Tại thời điểm 15 tháng 5 năm 2021, căn cứ quy định trích dự phòng rủi ro cho vay quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thừa so với số phải trích thì phần chênh lệch thừa được hoàn nhập vào thu nhập; trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thiếu so



với số phải trích, trong vòng 12 tháng, Quỹ thực hiện bổ sung dự phòng rủi ro theo quy định.

3. Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Quỹ theo quy định tại Thông tư 81/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được bổ sung tăng vốn điều lệ cho Quỹ nhưng không quá số vốn quy định tại khoản 1 Điều 43 Điều lệ này.

4. Trong thời gian Bộ Tài chính chưa ban hành hướng dẫn chế độ quản lý tài chính, Quỹ tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Điều 67. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình hoạt động, trường hợp có sự thay đổi của pháp luật liên quan đến Điều lệ này, các quy định trong Điều lệ không còn phù hợp với thực tế hoặc cần thay đổi, Chủ tịch Quỹ báo cáo Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều lệ này./..✓

**TM. THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Bảo